

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 144/CV-SBĐ/KTh.2023 ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, địa chỉ tại số 10 đường Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy Sữa Bình Định tại số 87 đường Hoàng Văn Thụ, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy Sữa Bình Định

1.2. Địa điểm hoạt động: số 87 đường Hoàng Văn Thụ, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300588569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2003, thay đổi lần thứ 29 ngày 6 tháng 12 năm 2022.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300588569-012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2005 và thay đổi lần thứ 08 ngày 28 tháng 02 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0300588569-012.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, chế biến các sản phẩm có nguồn gốc từ sữa bò tươi nguyên liệu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 27.270 m<sup>2</sup>.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Công suất: 252.000 tấn sản phẩm/năm.
- Quy trình công nghệ sản xuất:
  - + Quy trình sản xuất sữa nước: Sữa tươi nguyên liệu, nguyên liệu đầu vào → Phối trộn, đồng hóa, thanh trùng → Ủ → Đồng hóa, tiệt trùng → Chiết rót → Bảo quản → Tiêu thụ.
  - + Quy trình công nghệ sản xuất sữa chua: Sữa tươi nguyên liệu, nguyên liệu đầu vào → Phối trộn, đồng hóa, thanh trùng → Ủ → Cấy men → Ủ → Chiết rót → Bảo quản lạnh → Tiêu thụ.
  - + Quy trình công nghệ chế biến kem: Sữa tươi nguyên liệu, nguyên liệu đầu vào → Phối trộn, đồng hóa, thanh trùng → Ủ, chuẩn hóa → Đông lạnh → Chiết rót → Bảo quản lạnh → Tiêu thụ.
  - + Quy trình công nghệ sản xuất sữa đặc có đường: Sữa tươi nguyên liệu, nguyên liệu đầu vào → Khuấy trộn → Bồn cân bằng → Đồng hóa → Thanh trùng → Giữ nhiệt → Cô đặc → Làm lạnh → Tồn trữ → Đóng hộp → Dán nhãn → Vô trùng → Thành phẩm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

- 2.1. Được phép xả nước thải ra hệ thống thoát nước nữa riêng của thành phố Quy Nhơn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam có trách nhiệm:
  - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
  - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
  - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày ..... tháng ..... năm 2023 đến ngày ..... tháng ..... năm 2033).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Định (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Bình Định;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam;
- Lưu: VT, KSONMT, Đ.12

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nước thải sản xuất, bao gồm:

- Nguồn số 1: Nước thải sản xuất từ khu vực sản xuất sữa nước.
- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất từ khu vực sản xuất sữa chua.
- Nguồn số 3: Nước thải sản xuất từ khu vực chế biến kem.
- Nguồn số 4: Nước thải sản xuất từ khu vực sản xuất sữa đặc có đường.
- Nguồn số 5: Nước thải sản xuất từ khu vực giặt giũ trang phục công nhân viên.
- Nguồn số 6: Nước thải sản xuất từ khu vực từ quá trình vệ sinh nồi hơi; khu vực lò hơi của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Năng lượng Xanh.
- Nguồn số 7: Nước thải sản xuất từ khu vực vệ sinh thiết bị xử lý nước cấp.
- Nguồn số 8: Nước thải sản xuất từ khu vực phòng thí nghiệm.

1.2. Nước thải sinh hoạt, bao gồm:

- Nguồn số 9: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng.
- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh tại xưởng sản xuất.
- Nguồn số 11: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: mạng lưới thoát nước nửa riêng của thành phố Quy Nhơn, sau đó được xử lý bởi Nhà máy xử lý nước thải tập trung Nhơn Bình và xả thải ra sông Hà Thanh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại 01 điểm xả vào mạng lưới thoát nước nửa riêng của thành phố Quy Nhơn.
- Tọa độ vị trí xả nước thải:  $X = 1.522.402$ ;  $Y = 603.616$  (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $1.200 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được dẫn vào mạng lưới thoát nước nửa riêng của thành phố Quy Nhơn.
- Hình thức xả: Xả ngầm vào mạng lưới thoát nước nửa riêng của thành phố Quy Nhơn.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Phải lắp đặt
2	pH	-	5,5-9		
3	Độ màu	Pt-Co	150		
4	TSS	mg/L	100		
5	COD	mg/L	150		
6	Amoni	mg/L	10		
7	BOD <sub>5</sub>	mg/L	50		Không áp dụng
8	Tổng Nito	mg/L	40		
9	Tổng Phospho	mg/L	6		
10	Dầu mỡ khoáng	mg/L	10		
11	Coliform	MPN/100ml	5.000		
12	Clo dư	mg/L	2		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

#### *Nước thải sản xuất:*

- Nguồn số 1, 2, 3 và 4: Được thu gom bằng hệ thống mương hở có song chắn đặt bên trong nhà xưởng và hệ thống ống dẫn nước thải sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy công suất thiết kế 1.200 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn số 5, 6, 7, 8: Được thu gom bằng đường ống, dẫn về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy công suất thiết kế 1.200 m<sup>3</sup>/ngày.

#### *Nước thải sinh hoạt:*

- Được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, nước thải từ bếp ăn (nước thải chứa dầu mỡ) được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ, sau đó dẫn về đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất thiết kế 1.200 m<sup>3</sup>/ngày.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các khu vực → lược rác thô → gom nước thải → lược rác tinh → bể gom (B01) → bể điều hòa (B02) → bể UASB (B03) → bể tuần hoàn (B04) → bể Anoxic (B5) → bể MBBR (B06A, B, C, D, E) → bể lắng (B07) → bể khử trùng (B08) → hệ thống thoát nước.

- Công suất thiết kế: 1.200 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Xút (NaOH 32%), Axit (HCl 32%), PAC (dạng rắn), C - Polymer (dạng rắn), Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định, cụ thể:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc của hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số phải lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra); nhiệt độ, pH, độ màu, COD, TSS, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Phải có.

- Camera giám sát: Phải lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Phải hoàn thành việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Không có công trình ứng phó sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước thải sau xử lý; thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp ứng phó sự cố.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xây dựng hệ thống xử lý.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

b) Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải của nhà máy gặp sự cố phải tạm ngưng hoạt động:

- Tạm ngưng các hoạt động sản xuất, tránh trường hợp phát sinh thêm nước thải.

- Liên hệ với đơn vị có chuyên môn tiến hành kiểm tra xác nhận chính xác nguyên nhân của sự cố để lên phương án khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 15 tháng 10 năm 2023 đến ngày 30 tháng 12 năm 2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

- Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Việc quan trắc nước thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định từng công trình xử lý nước thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả vào mạng lưới thoát nước nửa riêng của thành phố Quy Nhơn.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của nhà máy.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.4. Phải hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo quy định. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kiểm soát chất lượng, kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này vào mạng lưới thoát nước nửa riêng của thành phố Quy Nhơn.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

###### 1.1. Các nguồn khí thải có hệ thống xử lý khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải lò hơi 01 công suất 2 tấn hơi/giờ, sử dụng dầu DO.
- Nguồn số 02: Khí thải lò hơi 02 công suất 5 tấn hơi/giờ, sử dụng dầu DO.

###### 1.2. Các nguồn khí thải không có hệ thống xử lý khí thải

- Nguồn số 03: Khí thải từ máy phát điện dự phòng công suất 1.000 kVA, sử dụng nhiên liệu dầu DO.
- Nguồn số 04: Khí thải từ máy phát điện dự phòng công suất 800 kVA, sử dụng nhiên liệu dầu DO.
- Nguồn số 05: Khí sinh học phát sinh từ bể UASB của hệ thống xử lý nước thải (đốt được).
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ hệ thống lọc bụi của công đoạn nạp liệu.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

###### 2.1. Dòng số 01:

- Vị trí xả khí thải: Tại ống khói của lò hơi dự phòng công suất 2 tấn hơi/giờ, tọa độ X = 1.522.463; Y = 603.528 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108<sup>0</sup>15', múi chiều 3<sup>0</sup>).
- Lưu lượng xả thải lớn nhất 3.500 m<sup>3</sup>/giờ.
- Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (chỉ xả thải khi hoạt động).

###### 2.2. Dòng số 02:

- Vị trí xả khí thải: Tại các ống khói của lò hơi dự phòng công suất 5 tấn hơi/giờ, tọa độ X = 1.522.460; Y = 603.529 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108<sup>0</sup>15', múi chiều 3<sup>0</sup>).
- Lưu lượng xả thải lớn nhất 9.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (chỉ xả thải khi hoạt động).

##### 3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:

###### 3.1. Đối với dòng số 01, số 02:

Chất lượng khí thải lò hơi trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K<sub>p</sub> = 1,0 và K<sub>v</sub> = 0,6), cụ thể như bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200	03 tháng/lần	Không áp dụng
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		



3.2. Khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải; nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện dự phòng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1 Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01, 02: Được thu gom về hệ thống xử lý khí thải của từng lò hơi để xử lý;
- Nguồn số 03, 04: Được phát thải ra môi trường qua ống thoát khí;
- Nguồn số 05: Được thu gom về hệ thống đốt khí sau đó phát thải ra môi trường qua ống thoát khí;
- Nguồn số 06: Được giảm thiểu bằng túi lọc và phát thải ra môi trường qua ống thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi: Khí thải lò hơi → ống thu gom → tháp hấp thụ → ống khói thải → môi trường.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thường xuyên thu dọn vệ sinh và khử mùi trong khu vực của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.4. Đảm bảo việc thu gom, kiểm soát mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc tại hệ thống xử lý nước: máy thổi khí, máy bơm.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực sản xuất: dây chuyền sản xuất.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.522.516; Y = 603.522.

- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.522.504; Y = 603.474.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu 3<sup>0</sup>)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45	-	Khu vực đặc biệt

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55	-	Khu vực đặc biệt

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung được kê các đệm chân đế máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hợp số và bôi trơn gốc khoáng thải không có Clo	17 02 02	4.200
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
3	Pin, acquy chì thải	19 06 01	80
4	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	180
5	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	12
6	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	19 02 05	12
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>4.494</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải (KS)	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải nguy hại từ quá trình xử lý khối thải	04 02 03	20
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	240
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	180
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	7.200
5	Các loại chất thải khác có thành phần nguy hại vô cơ	19 12 01	72
6	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	164.967
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>172.679</b>

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao PP đường 50 kg nội địa các loại	3.935
2	Bao giấy bột sữa 2,3 lớp (rách)	24.082
3	Thùng carton, bìa carton các loại	78.632
4	Giấy vụn	14.632
5	Lõi giấy	1.266
6	Bao nylon đường, bột sữa màu trắng và xanh	11.545
7	Màng co nylon cứng	61

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
8	Bao nylon màng co (dơ, xốp)	176
9	Phuy đựng bơ 210 lít các loại	9.880
10	Phuy đựng bơ 195 lít các loại	3.054
11	Phuy đựng dầu bắp 190 lít – màu xanh đậm các loại	12.985
12	Can nhựa xanh 30 kg, 5 kg	2.698
13	Can nhựa đựng hương các loại	120
14	Màng nhựa thân hũ sữa chua, sữa vi, ly phế liệu các loại	5.319
15	Ba via nhựa sữa chua, sữa vi, ly trắng và màu	32.400
16	Rẻo sao nhựa sữa chua trắng và màu	840
17	Vỏ hũ sữa chua phế liệu trắng và màu	1.937
18	Lõi nhựa	409
19	Lõi cuộn strip	959
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>204.930</b>

#### 1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	10,7
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>10,7</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- 01 kho chứa CTNH có diện tích 35 m<sup>2</sup>.

- Kho được xây dựng tường gạch, trát vữa xi măng, nền đồ bê tông đánh bóng mặt chống thấm, mái lợp tôn và cửa ra vào bố trí gờ chắn nước, có rãnh thu nước thải.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng rác composite 200 lít.

### 2.3. Kho chứa bùn thải:

- 01 Kho chứa bùn thải diện tích 16 m<sup>2</sup>.

- Khu vực lưu giữ có tường bao quanh, mái che kín, nền bê tông, chống thấm, có gờ chống tràn và có biển cảnh báo kho chứa.

### 2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- 01 kho chứa có diện tích khoảng 15 m<sup>2</sup>, nền bê tông, có mái che làm bằng chất liệu tole.

- Thiết bị lưu chứa: Thùng composite dung tích 120 lít, 200 lít, 500 lít.

### 2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 1759/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; không còn hạng mục sản xuất và công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục thực hiện; một số nội dung thay đổi đã được tích hợp trong Giấy phép này.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

3. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.